

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen**

(Tài liệu phục vụ Hội Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014)

1. Tình hình tài chính chung của LotusIMC

Bảng dưới đây đưa ra các thông tin tóm tắt về tình hình tài chính vào ngày cuối năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 của LotusIMC trong tương quan với ba năm liền trước:

1. Tình hình tài chính tại thời điểm cuối năm:

	2013	2012	2011	2010
	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>
TÀI SẢN				
Tiền & tương đương tiền	698	12,299	42,675	42,627
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn của khách hàng danh mục	0	0	26,439	65,119
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn của Công ty	474	1,500	1,819	3,067
Đầu tư ngắn hạn khác	10,824	0	0	0
Các khoản phải thu	-863	683	1,600	3,786
Tài sản lưu động khác	15,893	13,343	15,659	97
Tài sản cố định	356	422	499	600
Tổng tài sản	27,383	28,247	88,691	115,296
	2013	2012	2011	2010
	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>
NGUỒN VỐN				
Nợ ngắn hạn	947	1,789	1,025	2,674
Nợ dài hạn	28	186	60,396	85,850
Vốn điều lệ	25,000	25,000	25,000	25,000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	1,407	1,272	2,270	1,772
Tổng nguồn vốn	27,383	28,247	88,691	115,296

Ghi chú: Kể từ năm 2012, việc hạch toán được thực hiện theo thông tư số 125/2011/TT-BTC theo đó số liệu liên quan đến khách hàng ủy thác được hạch toán ngoại bảng nên các chỉ tiêu tương ứng trên bảng tổng kết tài sản giảm đi so với các năm trước.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	2013	2012	2011	2010
	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)
Doanh thu	6,563	9,834	11,474	9,349
<i>Trong đó:</i>				
<i>DT từ phí QL Quỹ</i>	1,951	2,645	3,007	4,102
<i>DT từ phí QL Danh mục</i>	302	743	1,690	1,713
<i>DT từ phí thưởng</i>	31	59	1,404	454
<i>DT từ phí tư vấn</i>	2,450	1,750	1,533	
<i>Lãi tiền gửi</i>	871	1,498	2,750	2,454
<i>Cổ tức được nhận và Lãi từ kinh doanh chứng khoán</i>	7	11	110	4
<i>Chênh lệch tỷ giá ngoại hối</i>	0		63	128
<i>Phí rút trước hạn</i>	0	3	6	488
<i>Doanh thu khác</i>	951	3,127	909	6
	2013	2012	2011	2010
	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)
Chi phí	6,395	4,501	6,837	4,481
<i>Trong đó:</i>				
<i>Chi phí hoạt động QLQ ĐTCK và CTY ĐTCK</i>	0	500		
<i>Chi phí hoạt động quản lý DMĐTCK</i>	0	800		
<i>Chi phí nhân viên</i>	2,534	2,503	2,889	2,339
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	66	77	96	116
<i>Chi phí tư vấn</i>	44		1,150	331
<i>Chi phí quảng cáo tiếp thị</i>	0		238	228
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	204	199	423	393
<i>Chi phí hoạt động khác</i>	3,385	676	759	581
<i>Lỗ đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán</i>	162	-255	1,283	493
Thu nhập trước thuế TNDN	168	5,333	4,637	4,868
Thuế TNDN	32	1,332	1,138	934
Thu nhập sau thuế	135	4,002	3,499	3,934

2. Tình hình hoạt động của quỹ Lotus-Mekong River Equity Fund

Bảng dưới đây tóm tắt về tình hình hoạt động của quỹ kể từ ngày thành lập:

10/10/2013 28/12/2012 30/12/2011 31/12/2010 31/12/2009 5/11/2009

NAV trên một chứng chỉ						
quỹ theo JPY	10,043	7,562	5,352	8,349	10,571	10,000
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>0.43%</i>	<i>-24.38%</i>	<i>-46.48%</i>	<i>-16.51%</i>	<i>5.71%</i>	<i>0.00%</i>
NAV trên một chứng chỉ						
quỹ tương đương theo VND	2,161,179	1,830,550	1,456,327	2,001,198	2,114,623	1,977,457
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>9.29%</i>	<i>-7.43%</i>	<i>-26.35%</i>	<i>1.20%</i>	<i>6.94%</i>	<i>0.00%</i>
Số lượng chứng chỉ quỹ	84,497	185,346	187,716	241,177	226,911	215,000
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-60.70%</i>	<i>-13.79%</i>	<i>-12.69%</i>	<i>12.18%</i>	<i>5.54%</i>	<i>0.00%</i>
NAV của quỹ theo JPY	848,586,083	1,401,628,964	1,004,729,937	2,013,623,219	2,398,731,545	2,150,000,000
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-60.53%</i>	<i>-34.81%</i>	<i>-53.27%</i>	<i>-6.34%</i>	<i>11.57%</i>	<i>0.00%</i>
NAV của quỹ tính theo						
VND	182,609,443,297	339,295,319,293	273,395,901,224	482,651,778,284	479,842,277,455	425,153,252,917
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-57.05%</i>	<i>-20.19%</i>	<i>-35.69%</i>	<i>13.52%</i>	<i>12.86%</i>	<i>0.00%</i>

Biến động tỉ giá và thị trường chung:

	10/10/2013	28/12/2012	30/12/2011	31/12/2010	31/12/2009	5/11/2009
VND-JPY	0.004647	0.004131	0.003675	0.004172	0.004999	0.005057
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-8.11%</i>	<i>-18.31%</i>	<i>-27.33%</i>	<i>-17.50%</i>	<i>-1.15%</i>	<i>0.00%</i>
Vn-index	494.81	413.73	351.55	484.66	494.77	555.54
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-10.93%</i>	<i>-25.53%</i>	<i>-36.72%</i>	<i>-12.76%</i>	<i>-10.94%</i>	<i>0.00%</i>
Hnx-index	60.73	57.09	58.74	114.24	168.17	190.27
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-68.08%</i>	<i>-70.00%</i>	<i>-69.13%</i>	<i>-39.96%</i>	<i>-11.62%</i>	<i>0.00%</i>

Bảng trên cho thấy NAV của một chứng chỉ quỹ đến ngày 10 tháng 10 năm 2013, ngày cuối cùng tính giá trị tài sản ròng của quỹ đạt JPY 10,043 nghĩa là gần tương đương so với ban đầu thành lập quỹ. Trong năm 2013, các phương án để có thể duy trì quỹ đã được thảo luận giữa các bên nhưng không khả thi và vì thế việc bán cổ phiếu trong một khoảng thời gian khá ngắn phần nào ảnh hưởng đến giá trị tài sản ròng của quỹ. Một số cổ phiếu quỹ nắm giữ tỉ trọng lớn có sự tăng giá tốt hơn thị trường chung sau khi quỹ đã bán. Điều này cho thấy nếu quỹ tiếp tục duy trì thì nhiều khả năng thành tích của quỹ sẽ tiếp tục vượt thị trường chung

3. Tình hình hoạt động của dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư (LotusPIM)

Bảng dưới đây thể hiện biến động về số lượng các hợp đồng:

	2013	2012	2011	2010
Tổng số HĐ Quản lý danh mục đầu tư tại thời điểm cuối năm	11	13	23	29

Trong đó:

- Nhà đầu tư NN	7	7	10	10
-----------------	---	---	----	----

- Nhà đầu tư TN	4	6	13	19
-----------------	---	---	----	----

Về số tiền quản lý theo giá thị trường (AUM) được thể hiện như bảng dưới đây:

	2013	2012	2011	2010
AUM tại thời điểm cuối năm (triệu VND)	28,047	24,290	61,186	88,356

Chúng tôi lưu ý rằng do các hoạt động gửi tiền vào và rút tiền ra của các nhà đầu tư nên sự biến động AUM trên không thể hiện hiệu quả đầu tư.

4. Các mặt hoạt động chung của Công ty

Năm 2013 cũng như các năm trước đó kể từ ngày thành lập, Công ty luôn thực hiện báo cáo đầy đủ với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy Ban Giám sát Tài chính quốc gia và các cơ quan quản lý khác như theo yêu cầu luật định.

Ngoài ra năm 2013, Công ty đã đạt được một số tiến bộ sau:

- Sự phối hợp giữa các phòng ban trong Công ty tiếp tục được thực hiện tốt hơn trước cho dù khối lượng công việc gia tăng. Khối lượng công việc gia tăng xuất phát từ các yêu cầu báo cáo của các cơ quan quản lý đã tăng lên. Bên cạnh đó những nỗ lực tìm kiếm khách hàng, đối tác mới và giúp họ hiểu hơn về Công ty cũng là một cấu phần quan trọng làm tăng khối lượng công việc.
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng phòng ban, từng cá nhân tiếp tục được cải thiện nhờ thực tế công việc, học hỏi lẫn nhau, tham gia các khóa học và không ngừng cập nhật các văn bản pháp lý.
- Chất lượng dịch vụ khách hàng (báo cáo, phản hồi, mối quan hệ với khách hàng bên ngoài công việc,...) được duy trì và có phần nâng cao.
- Kinh nghiệm đầu tư (nghiên cứu, phân tích, triển khai thực hiện với quy mô lớn,...) tiếp tục được từng bước cải thiện do hiểu biết hơn về các doanh nghiệp, các bài học thực tiễn trong quá khứ và học hỏi từ các đối tác.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Hà nội, ngày 11 tháng 4 năm 2014

T/M Ban Giám đốc

Giám đốc
Nguyễn Đức Tài